

Số: 154/KH-UBND

Uông Bí, ngày 09 tháng 4 năm 2024

KẾ HOẠCH
Thực hiện Đề án “Dân số và Phát triển giai đoạn 2024 - 2025,
định hướng đến năm 2030 thành phố Uông Bí

Căn cứ Quyết định số 640/QĐ-UBND ngày 04 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh “Quyết định phê duyệt Đề án “Dân số và Phát triển giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030 tỉnh Quảng Ninh”. UBND thành phố ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án “Dân số và Phát triển giai đoạn 2024-2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Uông Bí”, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Không ngừng nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành đoàn thể và toàn xã hội về vai trò, tầm quan trọng của công tác Dân số đối với sự phát triển nhanh và bền vững của thành phố theo định hướng ổn định dân số để phát triển kinh tế xã hội, nâng cao sức khỏe, chăm sóc sức khỏe sinh sản cải thiện chất lượng cuộc sống của nhân dân.

- Tăng cường sự tham gia đồng bộ, tích cực, trách nhiệm của các cấp, các ngành nhằm không ngừng nâng cao nhận thức, hiểu biết của các đối tượng trong độ tuổi sinh đẻ nói riêng và cộng đồng dân cư nói chung về chính sách Dân số và phát triển của Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay.

- Từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống, chất lượng Dân số đáp ứng nguồn nhân lực có chất lượng cao phục vụ cho sự phát triển công nghiệp hóa hiện đại hóa của địa phương.

2. Yêu cầu

- Phấn đấu đạt các chỉ số về quy mô, chất lượng dân số theo quy hoạch chung của thành phố. Duy trì vững chắc mức sinh hợp lý, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng. Từng bước đưa tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phấn đấu duy trì cơ cấu tuổi của dân số ở mức hợp lý. Tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển thành phố bền vững. Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, trong đó đặc biệt quan tâm đến người cao tuổi. Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần, tạo nền tảng cho sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho sự phát triển các lĩnh vực kinh tế văn hóa xã hội trên địa bàn thành phố. Phân bố dân số hợp lý, đảm bảo hài hòa các quyền và nghĩa vụ của người di cư, tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế xã hội, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.

- Đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, vận động, truyền thông giáo dục chuyển đổi hành vi về dân số và phát triển tới đối tượng người có nguy cơ sinh con thứ 3 trở lên, tuyên truyền sâu rộng cho các tầng lớp nhân dân về nội dung bình đẳng giới từng bước giảm thiểu tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, tư vấn, khám sức khỏe tiền hôn nhân,

phòng ngừa tảo hôn và hôn nhân cận huyết, tăng số người sử dụng các BPTT hiện đại để góp phần đạt được các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra đến năm 2030.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Giải quyết toàn diện, đồng bộ các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố, chất lượng dân số và đặt trong mối quan hệ tác động qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Tăng nhanh về quy mô dân số trên cơ sở điều chỉnh mức sinh phù hợp để duy trì vững chắc mức sinh thay thế, thu hút dân cư đặc biệt là dân cư trong độ tuổi sinh đẻ; nguồn nhân lực có chất lượng cao gắn với việc nâng cao chất lượng dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, không chế độ tăng tỷ số giới tính khi sinh, chủ động tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số; phân bố dân cư hợp lý, góp phần thực hiện tốt các chiều tiêu phát triển kinh tế xã hội của Thành phố.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Mục tiêu 1: Đảm bảo Quy mô dân số

- Quy mô dân số khoảng 132.473 người; Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 0,85%.

- Vận động mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 2 con để duy trì ổn định mức sinh thay thế (*Tổng tỷ suất sinh đạt (TFR) 2,1 con/phụ nữ*) đó là xã Thượng Yên Công.

- Tăng 10% tổng tỷ suất sinh đặc trưng đối với các đơn vị có TFR dưới mức 2,0 con/phụ nữ đó là: Vàng Danh, Bắc Sơn, Nam Khê, Trung Vương, Quang Trung, Yên Thanh, Thanh Sơn, Phương Đông, Phương Nam.

- Trên 65% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15 - 49 tuổi) đang sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại; thực hiện phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

- Giảm 50% vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn (so với kết quả đánh giá điều tra đầu kỳ năm trước).

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (15 - 49 tuổi) đều được tiếp cận, thông tin, tư vấn, sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại; thực hiện phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

- Khuyến khích nam, nữ thanh niên kết hôn trước 30 tuổi, sinh đủ 2 con trước 35 tuổi.

- 100% cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 2 con; quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt; hệ lụy của mức sinh thấp; lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai góp phần thực hiện thành công cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có 2 con, duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

- 100% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục tiếp tục thực hiện tuyên truyền về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình thông qua việc lồng ghép các nội dung vào các môn học chính khóa và ngoài giờ phù hợp với cấp học, trình độ đào tạo; 90% vị thành niên, thanh niên được cung cấp, cập nhật kiến thức về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai, mang thai ngoài ý muốn.

b) Mục tiêu 2: Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số

- Ngăn chặn tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn thành phố; 95% cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên, thanh niên được cung cấp các

thông tin về hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, không phát sinh đối tượng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống và số có con trước độ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật trên địa bàn Thành phố góp phần nâng cao chất lượng dân số.

- Giảm 50% các trường hợp người dân tộc thiểu số có con trước độ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật so với năm 2020.

c) Mục tiêu 3: Đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên

- Đưa tỷ số giới tính khi sinh dưới 110 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 33%; tỷ lệ người trên 65 tuổi đạt khoảng 19%; tỷ lệ phụ thuộc chung khoảng 59%.

- 95% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh; 95% vị thành niên, thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp đầy đủ kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi; hệ thống truyền thanh từ Thành phố đến xã, phường thường xuyên tuyên truyền về giá trị của trẻ em gái, vị thế của phụ nữ và bình đẳng giới.

- 85% người dân trong thành phố có hiểu biết về hậu quả tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; hiểu biết việc lựa chọn giới tính khi sinh là hành vi vi phạm pháp luật.

d) Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng dân số

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn trên 80%.

- Giảm 50% số trường hợp chung sống hoặc có con trước độ tuổi kết hôn quy định so với năm 2021; Tỷ lệ cặp hôn nhân cận huyết thống 0%.

- Trên 60% nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; trên 80% sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt 76 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt 68 năm; 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 167 cm, nữ đạt 156 cm.

- 95% nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, lợi ích của tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh; 95% cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên, thanh niên được cung cấp các thông tin về hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, không phát sinh đối tượng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn Thành phố góp phần nâng cao chất lượng dân số.

đ) Mục tiêu 5: Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý và bảo đảm quốc phòng - an ninh

Thúc đẩy đô thị hóa, tiếp tục đưa tỷ lệ dân số đô thị đạt trên 95,5%; Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Tối thiểu 95% các cơ sở giáo dục thực hiện tuyên truyền về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình thông qua việc lồng ghép các nội dung vào các môn học chính khóa và ngoài giờ lên lớp phù hợp với cấp học, trình độ đào tạo; 85% vị thành niên, thanh niên được cung cấp, cập nhật kiến thức về dân số, sức khỏe sinh sản/ kế hoạch hóa gia đình như các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai, mang thai ngoài ý muốn.

e) Mục tiêu 6: Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

- 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn thành phố.

- Trên 80% ngành, lĩnh vực, địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, lĩnh vực và địa phương.

g) Mục tiêu 7: Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh, bền vững.

- Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược về giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp trong nước và nước ngoài... để tạo việc làm mới nâng cao năng suất lao động, thu nhập bình quân đầu người, tạo đà tăng trưởng cao, bền vững.

- Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược, chương trình về chăm sóc sức khỏe (bao gồm cả phòng, điều trị bệnh, chăm sóc SKSS, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm...) phù hợp tình hình phát triển kinh tế, xã hội của địa phương với mục tiêu đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt tiến tới có quyền kéo dài tuổi lao động cao hơn quy định hiện hành.

h) Mục tiêu 8: Thích ứng với già hoá dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

- Trên 20% xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi.

- Trên 60% người cao tuổi trực tiếp sản xuất kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu được hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ về phương tiện sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất.

- 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung.

- Trên 90% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi biết thông tin về già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi và các kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- 100% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi được cung cấp kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, kiến thức về chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập thể dục, thể thao phù hợp, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ góp phần phát huy vai trò của phong trào hỗ trợ, chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

3. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

a) Mục tiêu 1: Đảm bảo Quy mô dân số

- Quy mô Dân số đạt khoảng 139.273 người vào năm 2030; Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên khoảng 1,04%.

- Vận động mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ sinh đủ 2 con để duy trì ổn định mức sinh thay thế (*Tổng tỷ suất sinh đạt (TFR) 2,1 con/phụ nữ*);

- Giảm chênh lệch mức sinh đối với các xã phường trong thành phố.

+ Tăng 10% tổng tỷ suất sinh ở các xã phường có mức sinh thấp (*bình quân mỗi phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ có TFR trung bình 5 năm liền kể năm xây dựng kế hoạch cho năm sau dưới 2,0 con*)

+ Giảm 10% tổng tỷ suất sinh ở các xã phường có mức sinh cao (*có TFR trung bình 5 năm liền kể năm xây dựng kế hoạch cho năm sau trên 2,2 con*).

+ Duy trì kết quả ở những xã phường đã đạt mức sinh thay thế (*có TFR từ 2,0 con đến 2,2 con*).

- 100% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ (*15 - 49 tuổi*) đều được tiếp cận, thông tin, tư vấn, sử dụng các biện pháp tránh thai hiện đại; thực hiện phòng tránh vô sinh và hỗ trợ sinh sản.

- Giảm 50% vị thành niên, thanh niên có thai ngoài ý muốn (*so với năm 2025*).

- 100% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con; quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt; hệ lụy của mức sinh thấp; lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai góp phần thực hiện thành công cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

- 100% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục tiếp tục thực hiện tuyên truyền về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình thông qua việc lồng ghép các nội dung vào các môn học chính khóa và ngoài giờ phù hợp với cấp học, trình độ đào tạo; 90% vị thành niên, thanh niên được cung cấp, cập nhật kiến thức về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai, mang thai ngoài ý muốn.

b) Mục tiêu 2: Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số:

- Cơ bản ngăn chặn tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn thành phố, đặc biệt vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

- Giảm 50% các trường hợp người dân tộc thiểu số có con trước độ tuổi kết hôn theo quy định pháp luật so với năm 2025.

c) Mục tiêu 3: Đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên:

- Đưa tỷ số giới tính khi sinh dưới 109 bé trai/100 bé gái sinh ra sống; tỷ lệ trẻ em dưới 15 tuổi đạt khoảng 29%; tỷ lệ người trên 65 tuổi đạt khoảng 21%; tỷ lệ phụ thuộc chung khoảng 58%.

- 95% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin về thực trạng, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh; 95% vị thành niên, thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp đầy đủ kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi; hệ thống truyền thanh từ Thành phố đến xã, phường thường xuyên tuyên truyền về giá trị của trẻ em gái, vị thế của phụ nữ và bình đẳng giới.

- 95% người dân có hiểu biết cơ bản về hậu quả tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh; hiểu biết việc lựa chọn giới tính khi sinh là hành vi vi phạm pháp luật.

d) Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng dân số:

- Tỷ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn 95%.

- Giảm 50% số trường hợp chung sống hoặc trường hợp có con trước độ tuổi kết hôn quy định so với năm 2025; Tỷ lệ cặp hôn nhân cận huyết thống 0%.

- 70% nữ mang thai được tầm soát ít nhất 4 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất; 90% sơ sinh được tầm soát ít nhất 5 loại bệnh tật bẩm sinh phổ biến nhất.

- Tuổi thọ bình quân đạt trên 76 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt trên 68 năm.

- Chiều cao trung bình thanh niên 18 tuổi đối với nam đạt 168 cm, nữ đạt 157 cm.

- 95% nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, lợi ích của tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh; 95% cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên, thanh niên được cung cấp các thông tin về hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, không phát sinh đối tượng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn Thành phố góp phần nâng cao chất lượng dân số.

d) Mục tiêu 5: Thúc đẩy phân bố dân số hợp lý và bảo đảm quốc phòng - an ninh

- Duy trì tỉ lệ dân số đô thị đạt 95,5%; Bảo đảm người di cư được tiếp cận đầy đủ và công bằng các dịch vụ xã hội cơ bản.

- 100% các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục tiếp tục thực hiện tuyên truyền về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình thông qua việc lồng ghép các nội dung vào các môn học chính khóa và ngoài giờ lên lớp phù hợp với cấp học, trình độ đào tạo; 100% vị thành niên, thanh niên được cung cấp, cập nhật kiến thức về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai, mang thai ngoài ý muốn.

e) Mục tiêu 6: Duy trì và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, tiếp tục đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của thành phố:

- Hằng năm, phân đầu duy trì 100% tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp thực hiện cập nhật thông tin, tuyên truyền, phổ biến thông tin về chương trình dân số và phát triển.

- Duy trì 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên quy mô toàn thành phố.

- 100% ngành, lĩnh vực, địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của các ngành, lĩnh vực và địa phương.

g) Mục tiêu 7: Phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển nhanh, bền vững:

- Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược về giáo dục, đào tạo, lao động, việc làm, thu hút nguồn vốn đầu tư trực tiếp trên địa bàn... để tạo việc làm mới nâng cao năng suất lao động, thu nhập bình quân đầu người, tạo đà tăng trưởng cao, bền vững.

- Tiếp tục thực hiện tốt, hướng đến đạt mục tiêu cao hơn các chiến lược, chương trình về chăm sóc sức khỏe (bao gồm cả phòng, điều trị bệnh, chăm sóc SKSS, an toàn vệ sinh lao động, an toàn thực phẩm...) phù hợp tình hình phát triển kinh tế, xã hội của thành phố với mục tiêu đảm bảo mọi người lao động đều được chăm sóc sức khỏe và có sức khỏe tốt tiến tới có quyền kéo dài tuổi lao động cao hơn quy định hiện hành.

h) Mục tiêu 8: Thích ứng với già hoá dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi:

- 50% xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi.

- 70% người cao tuổi trực tiếp sản xuất kinh doanh tăng thu nhập, giảm nghèo có nhu cầu được hỗ trợ được hướng dẫn về sản xuất kinh doanh, hỗ trợ về phương tiện sản xuất, chuyển giao công nghệ, tiêu thụ sản phẩm, vay vốn phát triển sản xuất.

- 100% người cao tuổi có thể bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, khám, chữa bệnh, chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung; 100% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi biết thông tin về già hóa dân số, quyền được chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi và các kiến thức cơ bản về chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- 100% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi được cung cấp kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, kiến thức về chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập thể dục, thể thao phù hợp, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ góp phần phát huy vai trò của phong trào hỗ trợ, chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

Kiểm soát toàn diện về quy mô, cơ cấu và phân bố dân cư, tăng nhanh quy mô dân số thông qua việc điều chỉnh mức sinh hợp lý, thu hút dân cư đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao và nâng cao chất lượng dân số. Đảm bảo cân bằng, hài hòa giữa quyền và nghĩa vụ của mọi người dân; giữa việc tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi với thực thi nghiêm kỷ cương pháp luật; giữa việc mở rộng, ứng dụng các kỹ thuật mới với việc nâng cao chất lượng dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày cao của nhân dân.

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện Chương trình hành động số 33-Ctr/TU ngày 24/08/2018 của Thành ủy Uông Bí về chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 212/KH-UBND ngày 19/11/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới và bảo đảm thống nhất nhận thức, hành động của cả hệ thống chính trị, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của toàn xã hội trong việc chuyển trọng tâm chính sách dân số từ KHHGD sang dân số - phát triển.

- Ban hành các Nghị quyết; xây dựng kế hoạch dài hạn, trung hạn, hàng năm để cụ thể hoá các mục tiêu đã đề ra nhằm thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 phù hợp với tình hình địa phương. Lồng ghép các mục tiêu dân số và phát triển vào nội dung các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đưa công tác dân số, đặc biệt là nâng cao chất lượng dân số thành một nội dung trọng tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các ngành, các cấp. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong thực hiện chính sách dân số đối với các tầng lớp nhân dân, phát huy tối đa lợi thế cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số.

- Quan tâm đúng mức đến việc lãnh đạo, chỉ đạo triển khai; đầu tư kinh phí, bố trí cán bộ đủ năng lực để thực hiện thành công các mục tiêu, nhiệm vụ về công tác dân số các cấp, đặc biệt chú trọng tại cấp xã, phường, thôn, khu phố.

- Tiếp tục tăng cường công tác phối hợp liên ngành; phân công nhiệm vụ, thực hiện chế độ phối hợp hiệu quả giữa các cơ quan, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện chiến lược công tác dân số trên địa bàn. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể nhân dân, tổ chức xã hội tham gia, giám sát thực hiện công tác dân số. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo công tác dân số các cấp; tăng cường phát huy vai trò, trách nhiệm của thành viên Ban chỉ đạo ở các cấp.

- Tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua, các cuộc vận động về công tác dân số, đặc biệt là cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ 2 con, bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc sinh con, nuôi dạy con tốt và bình đẳng giới. Đề cao tính tiên phong gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện chính sách dân số, xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, ấm no, hạnh phúc, tạo sức lan tỏa sâu rộng trong toàn xã hội.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phong trào thi đua về công tác dân số. Lấy kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ về dân số là một tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp. Cung cấp thông tin, số liệu về tình hình dân số cho cơ quan báo chí để tuyên truyền rộng rãi, thường xuyên, liên tục về công tác dân số trong tình hình mới trên địa bàn.

2. Đổi mới truyền thông, vận động về dân số

- Tổ chức thực hiện Kế hoạch số 238-KH-UBND ngày 12/10/2020 của UBND thành phố Uông Bí về “Kế hoạch thực hiện chương trình truyền thông dân số đến năm 2030 của thành phố Uông Bí”.

- Tiếp tục tuyên truyền, sâu rộng, triển khai các nghị quyết của các cấp về dân số và phát triển; Đa dạng hóa, áp dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả các hoạt động truyền thông giáo dục về dân số và phát triển, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội, đặc trưng văn hoá từng vùng, từng nhóm đối tượng; thực hiện cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con bảo đảm quyền và trách nhiệm trong việc nuôi dạy con tốt.

- Nâng cao nhận thức, thực hành về bình đẳng giới, đề cao giá trị của trẻ em gái, vai trò, vị thế của phụ nữ trong gia đình và xã hội. Xây dựng các chuẩn mực, giá trị xã hội phù hợp nhằm thực hiện hiệu quả bình đẳng giới, loại trừ dần nguyên nhân sâu xa của tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh. Tuyên truyền nâng cao đạo đức nghề nghiệp, ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ y tế, chấm dứt tình trạng lạm dụng khoa học- công nghệ để lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức, tạo chuyển biến rõ nét ở những nơi có tỷ số giới tính khi sinh cao.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động, khơi dậy phong trào mọi người dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao, có lối sống lành mạnh, chế độ dinh dưỡng hợp lý góp phần nâng cao sức khỏe, tầm vóc, thể lực người Việt Nam.

- Vận động thanh niên thực hiện tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn, không tảo hôn; phụ nữ mang thai thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh; trẻ sơ sinh được thực hiện tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh bẩm sinh.

- Đẩy mạnh truyền thông về cơ hội, thách thức và giải pháp phát huy lợi thế của thời kỳ dân số vàng, thực hiện các quy định của pháp luật về cư trú, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của mỗi người dân, gia đình và toàn xã hội trong việc phát

huy vai trò, kinh nghiệm của người cao tuổi, thực hiện chăm sóc người cao tuổi, xây dựng môi trường thân thiện với người cao tuổi, thích ứng với già hoá dân số.

- Thường xuyên cung cấp thông tin về tình hình công tác dân số cho lãnh đạo cấp uỷ, chính quyền. Vận động, phát huy vai trò của các chức sắc tôn giáo, người uy tín trong cộng đồng, người có ảnh hưởng đến công chúng tham gia tuyên truyền, giáo dục người dân thực hiện chính sách dân số.

- Đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động truyền thông trực tiếp thông qua đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên của các ngành các cấp, nhất là đội ngũ cộng tác viên dân số. Đồng thời cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời cho đội ngũ hoạt động không chuyên trách tại thôn, xóm, tổ dân phố tham gia tuyên truyền về công tác dân số. Lồng ghép nội dung dân số vào sinh hoạt cộng đồng, lễ hội văn hoá, hương ước, quy ước và thiết chế văn hoá của cộng đồng; tiêu chuẩn thôn, xóm, tổ dân phố văn hoá, gia đình văn hoá.

- Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về dân số trên các phương tiện thông tin đại chúng, đặc biệt là hệ thống thông tin ở cơ sở. Tăng số tin, bài, thời lượng; đa dạng hoá các hình thức thể hiện các nội dung về công tác dân số. Lồng ghép các thông điệp về dân số trong các tác phẩm, sản phẩm văn hóa, văn nghệ, giải trí. Tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội.

- Đổi mới toàn diện nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục dân số, SKSS trong và ngoài nhà trường. Giáo dục dân số, SKSS phải phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi, bảo đảm yêu cầu hình thành kiến thức, kỹ năng và hành vi về dân số, SKSS đúng đắn, có hệ thống ở thế hệ trẻ, chú trọng tuyên truyền đến các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu chế xuất và nơi tập trung đông thanh niên.

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác truyền thông; huy động sự tham gia, đóng góp phương tiện, nguồn lực của các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp cho công tác truyền thông về dân số và phát triển:

- + Cung cấp kiến thức, kỹ năng tư vấn về dân số và phát triển cho các trung tâm, các điểm tư vấn trong và ngoài hệ thống DS-KHHGD để tham gia tư vấn, bảo đảm nội dung tư vấn theo đúng quy định chuyên môn về các vấn đề dân số và SKSS/KHHGD.

- + Mở rộng các hình thức tư vấn phù hợp với nhu cầu của các nhóm đối tượng: tư vấn trực tiếp, qua điện thoại, trao đổi qua thư, qua hệ thống phát thanh truyền hình, internet và tư vấn tại cộng đồng, chú trọng các nội dung về khám và tư vấn sức khỏe tiền hôn nhân, kỹ thuật về SKSS/KHHGD, mất cân bằng giới tính khi sinh, tảo hôn, kết hôn cận huyết thống, sàng lọc trước sinh, sàng lọc sơ sinh, chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- + Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập và ngoài công lập thực hiện tư vấn trước và sau khi làm dịch vụ kỹ thuật cho đối tượng, bảo đảm đối tượng hiểu biết, tự nguyện và thực hiện được những hướng dẫn, chỉ dẫn của thầy thuốc và các nội dung tư vấn.

3. Xây dựng các mô hình điểm và nhân rộng mô hình về nâng cao chất lượng dân số đảm bảo quy mô, cơ cấu, chất lượng dân số gắn với sự phát triển

a) Tuyên truyền, vận động gia đình, nhà trường và cộng đồng trong việc giáo dục kiến thức, kỹ năng sống cho vị thành niên, thanh niên về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, hôn nhân và gia đình, giới tính, bình đẳng giới, tầm soát

bệnh tật bẩm sinh. Lòng ghép nội dung giáo dục, truyền thông cho vị thành niên, thanh niên về dân số và phát triển.

- Tổ chức các cuộc giao lưu giữa nhà trường, gia đình, chính quyền cơ sở và vị thành niên, thanh niên trao đổi sự cần thiết, các kiến thức về tâm lý, đặc điểm phát triển sinh lý, thể chất của vị thành niên, thanh niên.

- Mở rộng khả năng tiếp cận của người dân với các dịch vụ có chất lượng về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị một số bệnh tật trước sinh và sơ sinh; các loại hình cung cấp dịch vụ của các cơ sở y tế trong và ngoài công lập phù hợp với từng nhóm đối tượng, từng địa bàn theo hướng bảo đảm mọi người dân tiếp cận, sử dụng các dịch vụ cơ bản tại xã; được tư vấn trước, trong và sau khi sử dụng dịch vụ.

- Khuyến khích xã hội hóa đầu tư hoàn thiện mạng lưới sàng lọc trước sinh, sơ sinh. Đầu tư, bổ sung cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các điểm, cơ sở, trung tâm cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc trước sinh; sàng lọc sơ sinh, ưu tiên đầu tư từ ngân sách tỉnh, địa phương cho các địa bàn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và vùng đặc biệt khó khăn.

- Tổ chức các buổi hội nghị, nói chuyện chuyên đề về tư vấn khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh cho cấp ủy đảng, lãnh đạo chính quyền các cấp, các tổ chức chính trị - xã hội, người uy tín trong cộng đồng nhằm nâng cao sự hiểu biết và sự ủng hộ của cộng đồng.

b) Hàng năm tổ chức các hoạt động truyền thông, hội nghị, hội thảo, tập huấn theo chuyên đề; hướng dẫn, chỉ đạo cơ sở tổ chức giao lưu truyền thông bằng hình thức sân khấu hoá về các nội dung dân số và phát triển.

- Tổ chức tập huấn, cung cấp thông tin cho 100% người cung cấp dịch vụ siêu âm, nạo phá thai, xét nghiệm có hiểu biết về hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh và hiểu đúng quy định của pháp luật nghiêm cấm về lựa chọn giới tính thai nhi khi tham gia cung cấp các dịch vụ này.

- Tổ chức các cuộc thi, hội thi (bao gồm cả tổ chức trên mạng xã hội) tìm hiểu kiến thức về dân số và phát triển thông qua các hình thức như: rung chuông vàng, bảy sắc cầu vồng, đường chinh phục kiến thức dân số, vẽ tranh, kể chuyện bằng hình ảnh, video, thuyết minh, hùng biện, trả lời câu hỏi...

c) Tăng cường tích hợp nội dung giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong các môn học và hoạt động giáo dục, phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi.

- Mục tiêu của giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị mỗi gia đình nên có 2 con; không định kiến về giới; không lựa chọn giới tính, không bạo hành, xâm hại tình dục trẻ em, vị thành niên, thanh niên vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

- Trực tiếp tư vấn kiến thức, kỹ năng sống cho vị thành niên, thanh niên về các vấn đề dân số và phát triển tại các trung tâm, điểm tư vấn, tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên cơ sở lựa chọn cán bộ tư vấn có khả năng hoặc được đào tạo kiến thức về tâm lý, đặc điểm phát triển, phong cách làm việc với vị thành niên/thanh niên.

d) Thí điểm triển khai mở rộng thực hiện chương trình giáo dục bắt buộc trước khi kết hôn đối với thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn.

- Duy trì và từng bước mở rộng các tổ chức truyền thông, cán bộ truyền thông chuyên biệt dành cho vị thành niên, thanh niên để thực hiện các hình thức giáo dục, truyền thông thân thiện như giáo dục đồng đẳng, câu lạc bộ, góc thân thiện, hoạt động ngoài giờ lên lớp, thi kiến thức, thi tìm hiểu về các sản phẩm truyền thông; lồng ghép truyền thông dân số và phát triển vào các hoạt động thường xuyên, hoạt động văn nghệ, thể thao, giải trí của vị thành niên, thanh niên.

- Nghiên cứu xây dựng hình thành, mở rộng mô hình giáo dục, truyền thông chuyên biệt cho vị thành niên, thanh niên các kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản; chăm sóc, nuôi dạy con, quản lý kinh tế gia đình; củng cố giá trị mỗi gia đình nên có 2 con, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, tiến bộ, hạnh phúc tại các trường phổ thông, trường chuyên nghiệp, các khu dân cư, khu công nghiệp và tại cơ sở cung cấp dịch vụ dân số - sức khỏe sinh sản.

đ) Thí điểm các mô hình nhằm khuyến khích sinh đủ 2 con

- Hỗ trợ tư vấn, cung cấp dịch vụ hôn nhân và gia đình: phát triển các câu lạc bộ kết bạn trăm năm, hỗ trợ nam, nữ thanh niên kết bạn; tư vấn sức khỏe trước khi kết hôn; khuyến khích nam, nữ kết hôn trong độ tuổi từ 20 đến trước 30 tuổi, không kết hôn muộn, không tảo hôn; phụ nữ sinh con thứ nhất sau 20 tuổi, con thứ 2 trước 35 tuổi,...

- Xây dựng môi trường, cộng đồng phù hợp với các gia đình nuôi con nhỏ. Thí điểm, nhân rộng các dịch vụ thân thiện với người lao động như đưa, đón trẻ, trông trẻ, ngân hàng sữa mẹ, bác sỹ gia đình... Chú trọng quy hoạch, xây dựng các điểm trông, giữ trẻ, nhà mẫu giáo phù hợp với điều kiện của bà mẹ, nhất là các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị.

- Hỗ trợ phụ nữ khi mang thai, sinh con và sinh đủ 2 con: tư vấn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em bao gồm sàng lọc vô sinh, sàng lọc trước sinh và sau sinh, phòng chống suy dinh dưỡng; tạo điều kiện trở lại nơi làm việc cho phụ nữ sau khi sinh con; giảm thuế thu nhập cá nhân; miễn giảm các khoản đóng góp công ích theo hộ gia đình;...

- Hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ 2 con: mua nhà ở xã hội, thuê nhà ở; ưu tiên vào các trường công lập, hỗ trợ chi phí giáo dục trẻ em; xây dựng mô hình quản lý, phát triển kinh tế gia đình; từng bước thí điểm các biện pháp tăng trách nhiệm đóng góp xã hội, cộng đồng đối với những trường hợp cá nhân không muốn kết hôn hoặc kết hôn quá muộn.

4. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số

Triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân số, rà soát điều chỉnh, bổ sung phù hợp với điều kiện của thành phố.

a) Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về dân số; để sửa đổi, bổ sung nhằm đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ phù hợp với điều kiện của thành phố và phát huy hiệu lực, hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành công tác quản lý nhà nước về dân số và phát triển.

Nghiên cứu ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ cho các nhóm yếu thế trong thực hiện chính sách dân số; khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ 2 con; chính sách thu hút nhập cư đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao; trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động của các chính sách về lao động, việc làm, nhà ở; phúc lợi xã hội; giáo dục; y tế, thu hút dân cư...; điều chỉnh mức sinh; xây dựng, triển khai các mô hình can thiệp thích hợp đối với từng địa phương và từng người dân.

Đẩy mạnh triển khai các Đề án thu hút lao động, học sinh sinh viên học tập và làm việc lâu dài, hỗ trợ nhà ở... đã được Tỉnh phê duyệt đạt hiệu quả cao nhất.

b) Rà soát, đề xuất sửa đổi các quy định, chính sách liên quan đến công tác dân số gắn với mục tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế.

Rà soát, bãi bỏ các chính sách liên quan đến mục tiêu giảm sinh, đồng thời có chính sách khuyến khích không kết hôn muộn, sinh con muộn và sinh một con hoặc không sinh con.

Đề xuất ban hành quy định về việc nêu gương của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc sinh đủ 2 con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc.

c) Cụ thể hóa các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phù hợp với đặc điểm mức sinh của các địa phương có mức sinh khác nhau.

- Nâng cao hiệu quả thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích hiện hành như khuyến khích các cặp vợ chồng, gia đình, tập thể, cộng đồng không có người sinh con thứ ba trở lên; hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, bao gồm phương tiện tránh thai; bồi dưỡng, hỗ trợ người thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ, người vận động thực hiện kế hoạch hóa gia đình,...; hỗ trợ người dân các dịch vụ nâng cao chất lượng dân số như sàng lọc sinh, khám sức khỏe tiền hôn nhân,...

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tác động của các chính sách về lao động, việc làm, nhà ở; phúc lợi xã hội; giáo dục; y tế,... đến việc sinh ít con; xây dựng, triển khai các mô hình can thiệp thích hợp.

- Phấn đấu 100% hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi bị phát hiện được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

d) Nâng cao nhận thức pháp luật về dân số và phát triển

- Phổ biến chính sách dân số, Luật Hôn nhân gia đình trong giai đoạn hiện nay đến cộng đồng dân cư.

- Cung cấp thông tin dân số và phát triển đến các đối tượng cần tuyên truyền.

- Tăng cường xử lý và phòng ngừa và giảm thiểu tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống trên địa bàn thành phố.

5. Phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng dịch vụ về dân số

a) củng cố mạng lưới cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng bảo đảm các cơ sở y tế tuyến huyện, cung cấp được tất cả các loại dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, các cơ sở y tế tuyến xã cung cấp các dịch vụ kế hoạch hóa gia đình cơ bản. Tiếp tục duy trì, nâng cao hiệu quả việc phân phối các dịch vụ phi lâm sàng qua nhân viên y tế, cộng tác viên dân số.

b) Đổi mới phương thức cung cấp dịch vụ kế hoạch hóa gia đình theo hướng mở rộng, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của từng nhóm đối tượng. Huy động các thành phần kinh tế tham gia tiếp thị xã hội, xã hội hóa cung cấp phương tiện và dịch vụ tránh thai.

c) Mở rộng khả năng tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục thân thiện với thanh niên. Tăng cường quản lý nhà nước đối với việc cung cấp các dịch vụ phá thai, loại trừ phá thai không an toàn.

d) Tiếp cận chương trình ngăn ngừa, sàng lọc, can thiệp, điều trị sớm các bệnh, tật là nguyên nhân dẫn đến vô sinh ở nhóm dân số trẻ.

đ) Nâng cao hiệu quả việc cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, mở rộng triển khai cung cấp dịch vụ sàng lọc trước sinh, sau sinh phát hiện sớm nguy cơ, phòng ngừa các bệnh di truyền ở thai nhi và trẻ sau sinh.

e) Tiếp tục đẩy mạnh, thực hiện có hiệu quả các chương trình thể dục thể thao, rèn luyện, nâng cao sức khỏe, các chương trình dinh dưỡng, bữa ăn lớp bán trú, sữa học đường nhằm nâng cao thể lực, tầm vóc người Việt Nam.

g) Hình thành và phát triển mạng lưới chăm sóc người cao tuổi đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về số lượng và chất lượng. Phát triển rộng khắp các loại hình câu lạc bộ rèn luyện sức khỏe, văn hoá, giải trí của người cao tuổi ở cộng đồng theo hướng xã hội hóa, có sự hỗ trợ, tạo điều kiện của nhà nước. Mở rộng việc cung cấp dịch vụ chăm sóc người cao tuổi tại gia đình và cộng đồng thông qua mạng lưới tình nguyện viên, cộng tác viên và nhân viên chăm sóc tại nhà được đào tạo. Từng bước mở rộng các cơ sở chăm sóc người cao tuổi tập trung. Phát triển hệ thống lão khoa theo nguyên tắc kết hợp dự phòng, nâng cao sức khỏe, điều trị, phục hồi chức năng.

h) Xây dựng, ban hành bộ tiêu chí xã, phường thân thiện với người cao tuổi làm cơ sở cho việc định hướng, giám sát đánh giá kết quả các hoạt động chăm sóc người cao tuổi ở cấp cơ sở.

i) Sắp xếp lại hệ thống cơ sở bảo trợ xã hội công lập theo hướng đẩy mạnh xã hội hóa, tạo môi trường thân thiện, hoà nhập giữa các nhóm đối tượng với xã hội. Tăng cường huy động nguồn lực xã hội để xây dựng, mở rộng hệ thống này.

k) Tăng cường kết nối, hợp tác với các cơ sở cung cấp dịch vụ ngoài công lập; từng bước quản lý, điều tiết và phát triển thị trường dịch vụ dân số; thiết lập cơ chế bảo vệ quyền lợi khách hàng, cạnh tranh lành mạnh, nâng cao chất lượng dịch vụ của cơ sở cung cấp dịch vụ dân số công lập và ngoài công lập.

6. Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số

a) Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu về dân số và phát triển, đưa nội dung này là một trong những nhiệm vụ nghiên cứu khoa học công nghệ cấp tỉnh. thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ về quy mô dân số, mức sinh trong mối quan hệ qua lại với phát triển kinh tế - xã hội; các nghiên cứu tác nghiệp về những giải pháp, can thiệp nhằm điều chỉnh mức sinh phù hợp cho từng giai đoạn và từng địa phương.

b) Tiếp cận và ứng dụng thành tựu khoa học, chuyển giao công nghệ y - sinh học tiên tiến về hỗ trợ sinh sản, tránh thai; tầm soát, chẩn đoán và điều trị sớm bệnh, tật trước sinh, sơ sinh; dự phòng, điều trị, phục hồi chức năng và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

c) Hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu dân số đáp ứng yêu cầu cung cấp đầy đủ, kịp thời tình hình và dự báo dân số phục vụ hoạch định chính sách, xây dựng, thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quản lý xã hội. Kien toan mạng lưới thu thập, cập nhật thông tin số liệu chuyên ngành dân số gắn với đội ngũ cán bộ, cộng tác viên dân số các cấp. Nâng cao chất lượng cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số, đáp ứng yêu cầu quản lý xã hội.

d) Củng cố, hoàn thiện hệ thống chỉ báo, chỉ tiêu về quy mô dân số và mức sinh. Đưa chỉ tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2023 - 2030. Thường xuyên cung cấp, thông tin về động thái dân số và thực trạng mức sinh cho các cơ quan chỉ đạo, điều hành của tỉnh, địa phương và trung ương (nếu có).

đ) Xây dựng, hoàn thiện vận hành, khai thác các phần mềm công nghệ thông tin để ứng dụng trong quản lý chất lượng, hệ thống cơ sở dữ liệu dân số và phát triển.

7. Bảo đảm nguồn lực cho công tác dân số

a) Bảo đảm đủ nguồn lực đáp ứng yêu cầu triển khai toàn diện công tác dân số trong tình hình mới.

b) Bố trí các chương trình, dự án về dân số vào kế hoạch, chương trình đầu tư công, phù hợp với từng địa phương.

c) Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước cho công tác dân số.

d) Nguồn kinh phí được bảo đảm từ nguồn ngân sách Tỉnh được giao trong dự toán ngân sách hàng năm của các đơn vị để sử dụng và chi trả theo quy định.

đ) Nguyên tắc phân bổ kinh phí: trong kỳ dự toán hàng năm, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán kinh phí trình cơ quan có thẩm quyền phân bổ và thực hiện.

8. Kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy và đào tạo

a) Tiếp tục kiện toàn, ổn định tổ chức bộ máy làm công tác dân số theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp, hiệu quả; bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền địa phương, đồng thời thực hiện quản lý chuyên môn thống nhất.

Hệ thống tổ chức bộ máy các cấp tỉnh, huyện, xã được kiện toàn theo hướng quản lý tinh gọn, đảm bảo tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương ở cơ sở với công tác dân số.

b) Đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng

- Cập nhật kiến thức mới, tập huấn lại bảo đảm đội ngũ công tác viên dân số tại thôn, bản, khu phố thực hiện đầy đủ, có hiệu quả việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện sinh đủ 2 con và tham gia cung cấp một số dịch vụ tới tận hộ gia đình. Đối với nơi có mức sinh thấp, khẩn trương tập huấn cho toàn bộ công tác viên, tuyên truyền viên về kiến thức, kỹ năng mới đáp ứng nhiệm vụ chuyển trọng tâm từ quy mô gia đình có 1 hoặc 2 con sang sinh đủ 2 con.

- Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kiến thức, năng lực, kỹ năng của cán bộ, công chức làm công tác dân số các cấp, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội.

- Đưa nội dung về dân số và phát triển vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

IV. LỘ TRÌNH THỰC HIỆN

1. Giai đoạn 2024 - 2025: Hàng năm, BCD Dân số và phát triển thành phố, BCD Dân số và phát triển xã, phường xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung về dân số của Đề án.

2. Giai đoạn 2026 - 2030: Tổ chức tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Đề án và đề xuất định hướng, nhiệm vụ công tác dân số giai đoạn tiếp theo.

V. KINH PHÍ

- Kinh phí thực hiện Đề án Dân số và Phát triển giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030 thành phố Uông Bí được sử dụng từ các nguồn ngân sách cấp.

- Ngoài ra huy động kinh phí hỗ trợ hợp pháp khác từ các cá nhân, tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn thành phố.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Y tế thành phố

- Phòng Y tế là cơ quan thường trực làm tốt công tác tham mưu, phối hợp với Trung tâm Y tế thành phố lãnh đạo, chỉ đạo các Trạm y tế các xã, phường tham mưu

cho BCD Dân số và phát triển các xã phường xây dựng Đề án để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các hoạt động đạt kết quả tốt.

- Phối hợp chỉ đạo các Trạm Y tế trên địa bàn thực hiện rà soát cập nhật số liệu kịp thời đầy đủ vào phần mềm quản lý dân số trên cơ sở thu thập các thông tin từ cộng tác viên dân số hàng tháng để quản lý dân cư trên địa bàn; tăng cường công tác chỉ đạo phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể từ thành phố đến các xã, phường tuyên truyền nâng cao chất lượng dân số, vận động các bà mẹ mang thai khám sàng lọc trước sinh và sơ sinh; vận động tư vấn khám sức khỏe tiền hôn nhân và quản lý chăm sóc khám sức khỏe cho người cao tuổi trên địa bàn thành phố.

- Chỉ đạo, quản lý và giám sát các cơ sở y tế tư nhân không lựa chọn giới tính khi sinh trên địa bàn các xã, phường.

- Phối hợp Trung tâm Y tế thành phố các cơ quan, đơn vị liên quan báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong phong trào thực hiện công tác dân số và phát triển trên địa bàn thành phố.

2. Trung tâm Y tế thành phố

- Tham mưu xây dựng Đề án “Dân số và Phát triển giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030 thành phố Uông Bí”, chủ động phối hợp với các ban ngành đoàn thể từ thành phố xuống các xã, phường bám sát chỉ tiêu Đề án triển khai thực hiện tốt các chỉ tiêu đề ra.

- Tham mưu, triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án trên gắn với thực hiện các Chương trình, Đề án đã được phê duyệt: Đề án Truyền thông dân số đến năm 2030; Đề án điều chỉnh mức sinh giữa các vùng, đối tượng đến năm 2030; Đề án Kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn thành phố (giai đoạn II); Đề án củng cố, nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình đến năm 2030; Đề án tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật, trước sinh và sơ sinh đến năm 2030; Đề án chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030; Đề án củng cố hệ thống thông tin, thống kê chuyên ngành dân số đến năm 2030; Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025” (giai đoạn II) trên địa bàn thành phố Uông Bí năm 2024...

- Phối hợp với các ban ngành đoàn thể từ thành phố xuống các xã, phường tổ chức các hoạt động truyền thông bằng nhiều hình thức như: Hội nghị tuyên truyền, kẻ vẽ panô, áp phích, băng zôn, khẩu hiệu, diễu hành cổ động tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng dân cư...

- Thường xuyên cập nhật thông tin, tổng hợp báo cáo và các biến động dân số về Ban chỉ đạo dân số và phát triển thành phố để có biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời công tác Dân số và phát triển tại các xã, phường.

- Chỉ đạo trạm Y tế các xã, phường thực hiện các công tác cập nhật biến động dân số theo phần mềm thống kê hàng tháng trên cơ sở thu thập thông tin biến động từ đội ngũ cộng tác viên dân số thôn khu.

- Tổ chức chỉ đạo và quản lý cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản, các biện pháp tránh thai cho các đối tượng có nhu cầu sử dụng.

- Quản lý và sử dụng kinh phí theo đúng hướng dẫn của bộ tài chính và các văn bản hiện hành.

- Giám sát, kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn, báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Đề án định kỳ báo cáo UBND thành phố; tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện.

3. Công an thành phố

- Chủ trì, triển khai vận hành, quản trị, khai thác Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, phục vụ hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp với các ban, ngành có liên quan đảm bảo thông tin số liệu về dân cư, tích hợp, chia sẻ, kết nối với các dữ liệu chuyên ngành.

- Hàng năm, thực hiện cập nhật thông tin, tuyên truyền, phổ biến thông tin về chương trình dân số và phát triển; 100% dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư thống nhất trên quy mô toàn thành phố.

- Phối hợp để tổ chức các hoạt động truyền thông xuống đường cổ động nhân ngày Dân số Thế giới 11/7 và tháng hành động Quốc gia về Dân số chào mừng ngày Dân số Việt Nam 26/12.

4. Phòng tài chính Kế hoạch thành phố

- Tổng hợp, báo cáo UBND thành phố bố trí kinh phí thực hiện Đề án theo quy định.

- Hàng năm thực hiện cập nhật thông tin, tuyên truyền, phổ biến thông tin về chương trình dân số và phát triển; sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án của ngành.

5. Phòng Lao động Thương binh & XH thành phố

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế và các Ban, ngành, đoàn thể liên quan tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới, lồng ghép nội dung giáo dục về giới, giới tính, dân số - sức khỏe sinh sản vào chương trình đào tạo của các cơ sở dạy nghề; xây dựng và thực hiện các hoạt động, chính sách cải thiện phúc lợi cho người cao tuổi, các đối tượng yếu thế; phát huy lợi thế dân số vàng và thích ứng với già hóa dân số và đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi trên địa bàn thành phố.

- Tổ chức lồng ghép các hội nghị, hội thảo chuyên đề về mất cân bằng giới tính khi sinh, bình đẳng giới...; nghiên cứu, đề xuất chính sách đặc thù cho phụ nữ và trẻ em gái nhằm tạo môi trường, điều kiện cho phụ nữ và trẻ em gái phát triển toàn diện.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế, các ban, ngành, đoàn thể liên quan xây dựng, thực hiện có hiệu quả chương trình, Đề án thích ứng với già hóa dân số trên các khía cạnh kinh tế, an sinh xã hội, phát huy vai trò và chăm sóc người cao tuổi”. Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi đến năm 2030.

6. Trung tâm Truyền thông và Văn hóa Thành phố

- Tăng cường tuyên truyền các văn bản, chính sách mới của Đảng và Nhà nước liên quan đến công tác Dân số, Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030, Đề án Dân số và Phát triển giai đoạn 2023-2025, định hướng đến năm 2030 thành phố Uông Bí trên các hạ tầng báo chí của thành phố, qua đó nhằm tạo sự đồng thuận, thống nhất nhận thức và sự ủng hộ của các tầng lớp nhân dân về công tác dân số trong tình hình mới.

- Đổi mới và nâng cao chất lượng các chuyên đề, chuyên mục về Dân số và phát triển trên các hạ tầng báo chí của thành phố. Tăng cường thời lượng phát sóng, số lượng bài viết phù hợp; nâng cao chất lượng tuyên truyền về dân số và phát triển

trong các chương trình, chuyên trang, chuyên mục.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế tiếp tục thực hiện tốt việc tuyên truyền về công tác dân số; biểu dương các tập thể và cá nhân điển hình trong thực hiện chính sách dân số.

- Phối hợp tổ chức các hoạt động xuống đường cổ động tuyên truyền hưởng ứng nhân ngày Dân số Thế giới 11/7 và tháng hành động Quốc gia về Dân số chào mừng ngày Dân số Việt Nam 26/12.

7. Phòng Giáo dục và Đào tạo thành phố

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới, bình đẳng giới, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, gắn giáo dục thể chất với mục tiêu nâng cao thể lực, tầm vóc con người.

- Chủ trì phối hợp với Trung tâm Y tế tổ chức lồng ghép các nội dung vào các môn học chính khóa và ngoài giờ lên lớp phù hợp với cấp học về giới, giới tính, dân số - sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới, phòng chống HIV/AIDS...

- Phối hợp với Trung tâm Y tế và các cơ quan liên quan đa dạng hóa các hoạt động giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản, giới và giới tính, các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai, mang thai ngoài ý muốn cho học sinh thông qua các hoạt động ngoại khóa, diễn đàn, các cuộc thi tìm hiểu.

- Phối hợp tham gia chỉ đạo trường THPT đo chiều cao, cân nặng nhóm tuổi nam, nữ đủ 18 tuổi (học sinh lớp 12) để đánh giá một trong những chỉ tiêu về chất lượng Dân số theo quy định hàng năm.

8. Phòng Văn hoá và Thông tin thành phố

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền với các hình thức đa dạng trên tất cả các hạ tầng truyền thông nhằm nâng cao nhận thức và ý thức pháp luật về công tác dân số trong tình hình mới, định hướng và thúc đẩy hơn nữa hoạt động dân số và xây dựng nếp sống văn hoá ứng xử tại gia đình và cộng đồng dân cư; tạo đồng thuận cao trong xã hội, phát huy tinh thần nỗ lực của các ngành, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và nhân dân để phấn đấu thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030 và Đề án này đề ra.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra và xử lý theo quy định của pháp luật đối với xuất bản, trang thông tin điện tử và các tổ chức, cá nhân nếu có hành vi vi phạm các nội dung tuyên truyền chủ trương, chính sách dân số, đặc biệt là hướng dẫn lựa chọn giới tính thai nhi.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế thành phố tổ chức tuyên truyền phòng chống bạo lực gia, vận động các cặp vợ chồng sinh đủ 2 con, không lựa chọn giới tính khi sinh, góp phần ổn định mức sinh thay thế vì một mái ấm gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ hạnh phúc và bền vững.

- Chỉ đạo các xã phường đưa nội dung không lựa chọn giới tính khi sinh để góp phần cân bằng giới tính vào hương ước tại các địa bàn thôn khu.

- Hàng năm, thực hiện cập nhật thông tin, tuyên truyền, phổ biến thông tin về chương trình dân số và phát triển.

9. Phòng Tư pháp thành phố

- Tăng cường công tác quản lý hộ tịch, đăng ký khai sinh, đăng ký kết hôn, phối hợp với Công an thực hiện 100% người dân trên địa bàn được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư thống nhất trên toàn quốc.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế và các ngành liên quan tham gia phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số; hôn nhân và gia đình cho các tầng lớp nhân dân trên địa bàn thành phố.

- Phối hợp Trung tâm Y tế, các phòng ban ngành thành phố tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật về lĩnh vực Dân số và phát triển, chỉ đạo cán bộ tư pháp các xã, phường tích cực phối hợp tư vấn kiến thức và khám sức khỏe tiền hôn nhân cho các cặp nam nữ đăng ký kết hôn tại xã, phường.

10. Văn phòng HĐND và UBND thành phố

- Phối hợp với Trung tâm Y tế và các ban, ngành có liên quan triển khai, thực hiện các nhiệm vụ bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số trong thành phố, đặc biệt là Kế hoạch số 58/KH-UBND ngày 10/3/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về thực hiện Đề án Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số trên địa bàn thành phố Uông Bí giai đoạn 2021-2025 (giai đoạn II); Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 29/01/2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Uông Bí về thực hiện Đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2021-2025” (giai đoạn II) trên địa bàn thành phố Uông Bí năm 2024 và các kế hoạch liên quan được UBND thành phố phê duyệt.

11. Chi cục Thống kê thành phố

- Chủ trì phối hợp với Trung tâm Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan rà soát, thống nhất các số liệu thực hiện các chỉ tiêu đề ra trong Đề án.

- Hằng năm, thực hiện cập nhật thông tin, tuyên truyền, phổ biến thông tin về chương trình dân số và phát triển; chủ trì tham mưu giúp ủy ban nhân dân thành phố tổ chức các hoạt động thống kê, điều tra, khảo sát; cung cấp, công bố, phổ biến thông tin thống kê số liệu, chỉ số, chỉ báo về lĩnh vực dân số và phát triển trên địa bàn thành phố.

12. Ủy ban nhân dân xã, phường

- Tổ chức, triển khai thực hiện Đề án, bám sát các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và thực hiện theo hướng dẫn chuyên môn; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện và bố trí kinh phí thực hiện hàng năm về công tác dân số và phát triển tại địa phương.

- Chỉ đạo BCĐ Dân số và phát triển các xã, phường xây dựng kế hoạch hàng năm để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, thực hiện tốt việc quản lý dân cư trong phần mềm quản lý dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Chỉ đạo, lãnh đạo Ban chỉ đạo công tác dân số và phát triển xã, phường, phối hợp với mặt trận tổ quốc và các ban, ngành, đoàn thể tích cực lồng ghép tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện tốt chính sách dân số, sinh đủ 2 con, không sinh con thứ 3 trở lên, khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi không kết hôn muộn và sớm sinh con, vận động phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi; vận động đối tượng độ trong độ tuổi sinh đẻ tiếp cận sử dụng dịch vụ phương tiện tránh thai, cung cấp phương tiện tránh thai miễn phí kịp thời đầy đủ cho đối tượng có nhu cầu để tránh mang thai ngoài ý muốn.

- Kiểm tra, giám sát các hoạt động công tác dân số trên địa bàn tại các thôn khu dân cư đối với các hoạt động như: Công tác tư vấn tuyên truyền, công tác cấp phát các phương tiện tránh thai, công tác rà soát cập nhật kịp thời các biến động dân

cư, xử lý kịp thời đối với những trường hợp là Đảng viên vi phạm sinh con ngoài kế hoạch theo quy định của Đảng.

- Hàng tháng, hàng quý cập nhật thông tin đầy đủ về công tác Dân số báo cáo về Phòng Dân số, Truyền thông và Giáo dục sức khỏe thuộc Trung tâm Y tế thành phố để tổng hợp báo cáo BCD Dân số và phát triển của thành phố và đối với các cấp kịp thời theo quy định.

13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị xã hội

- Tích cực tham gia thực hiện tốt công tác dân số và phát triển; tuyên truyền phổ biến chính sách dân số cho hội viên, đoàn viên và các tầng lớp nhân dân thực hiện đúng chính sách dân số và giám sát thực hiện các chủ trương, chính sách dân số. Phối hợp với Trung tâm Y tế thực hiện các hoạt động nhằm duy trì mức sinh thay thế (2,1 con/phụ nữ), giảm mức sinh ở những vùng có mức sinh cao, vận động sinh đủ 2 con/phụ nữ ở những nơi có mức sinh thấp, không lựa chọn giới tính khi sinh, kết hôn, sinh con đúng độ tuổi quy định, tham gia khám sức khỏe tiền hôn nhân, sàng lọc sinh, thực hiện các biện pháp kế hoạch hóa gia đình... nhằm nâng cao chất lượng dân số, giảm tỷ lệ mất cân bằng giới tính khi sinh, thích ứng với già hoá dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.

- Hàng năm cập nhật thông tin, tuyên truyền, phổ biến thông tin về chương trình dân số và phát triển; sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án của ngành, thúc đẩy phân bổ dân số hợp lý và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Trên đây là kế hoạch thực hiện Đề án “Dân số và Phát triển giai đoạn 2024 - 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn thành phố Uông Bí”. Yêu cầu các phòng, ban, đơn vị, UBND các xã phường xây dựng kế hoạch triển khai tại đơn vị; Đề nghị Ủy ban MTTQ và các đoàn thể chính trị xã hội thành phố quan tâm triển khai thực hiện đạt kế quả./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế tỉnh (B/c);
- Chi cục Dân số -KHHGĐ Tỉnh (B/c);
- TTThành ủy, HĐND,UBND TP (B/c);
- Thanh viên BCD Dân số và phát triển TP (T/h);
- Các đơn vị liên quan (p/h; t/h)
- Lưu: VT, YT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Thành